

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA KINH TẾ TRANG TRẠI

TRẦN ĐỨC

1. Chung quanh khái niệm "trang trại"

Thời gian gần đây, trên sách báo có nhiều bài viết về kinh tế trang trại. Có ý kiến cho rằng trang trại là "nơi sản xuất hàng hóa với khối lượng lớn, tập trung nhiều ruộng đất và có thuê mướn nhân công"; có ý kiến nhấn mạnh đặc điểm "sản xuất hàng hóa quy mô lớn"; cũng có ý kiến muốn cụ thể hóa "thu nhập phải lớn hơn mức bình quân chung của địa phương từ 3 lần trở lên". Lại có ý kiến nhận xét "kinh tế hộ hiện nay đã tới điểm dừng vì quy mô sản xuất nhỏ, không có điều kiện ứng dụng khoa học kỹ thuật, năng suất lao động thấp".

Qua một số ý kiến chúng tôi nghĩ rằng muốn trở thành trang trại, có nhất thiết phải tập trung nhiều ruộng đất và phải thuê mướn nhân công? Trong cuộc điều tra 113 trang trại tại vùng trung tâm của huyện Yên Bình (tỉnh Yên Bái) có 25 trang trại (chiếm 22%) có thuê mướn nhân công trung bình 100 - 200 công/năm, 8 trang trại

(chiếm 7,0%) có thuê mướn nhân công 200 - 660 công/năm, số còn lại chỉ dựa vào lao động của gia đình, và ngày mùa khi thời vụ căng thẳng, có thuê mướn chút ít.

Về quy mô, không thể không nhắc lại quan điểm của Lênin khi nghiên cứu các trang trại Mỹ "áp trại nhỏ tuy vẫn là nhỏ nếu tính theo diện tích, nhưng lại hóa thành áp trại lớn nếu xét theo quy mô sản xuất". Như vậy, khi nói về quy mô, có thể hiểu đó là quy mô tính theo diện tích, cũng có thể hiểu đó là quy mô sản xuất thể hiện bằng thu nhập. Báo cáo về tình hình kinh tế trang trại của Ban kinh tế tỉnh uỷ Bình Dương (ngày 30.7.1988) đã phân loại theo quy mô diện tích:

Từ 3 - 5 ha: 32 trang trại
5 - 10 ha: 910 trang trại
10 - 30 ha: 250 trang trại
trên 30 ha: 30 trang trại

Theo sự phân loại này, tỉnh Bình Dương có đủ các loại quy mô từ nhỏ đến vừa và lớn. Điều đó nói lên tính chất mềm dẻo của kinh tế trang trại có khả năng dung nạp các quy mô sản xuất khác nhau (từ nhỏ đến vừa và lớn) các hình thức sở hữu khác nhau (từ cá thể đến tập thể và quốc doanh), các trình độ công nghệ và khoa học khác nhau (từ thô sơ đến hiện đại).

Ý kiến muốn lượng hóa các thu nhập là một hướng đi đúng, nhưng lượng hóa như thế nào là phải có căn cứ (thu nhập phải lớn hơn mức bình quân chung của địa phương từ 3 lần trở lên. Tại sao không phải 2 hay 4 - 5 lần?).

Ở Mỹ trước đây, một cơ sở muốn trở thành trang trại phải có diện tích trên 4 ha và nông sản bán ra trên 250 USD; ngày nay, nông sản bán ra trong năm phải trên 1000 USD. Tiêu chí của một trang trại là tỷ suất nông sản hàng hóa.

Về ý kiến cho rằng "kinh tế hộ hiện nay đã đến điểm dừng", chúng tôi thiên nghĩ: trang trại từ kinh tế hộ đi lên, đó chẳng qua chỉ là một cấp độ của kinh tế hộ từ sản xuất tự cấp tự túc chuyển sang sản xuất hàng hóa; đó là một sự chuyển tiếp, chứ không phải một sự hình thành "mới toanh".

2. Các loại hình trang trại

Ở tỉnh Yên Bái, theo báo cáo của Ban kinh tế tỉnh uỷ (15.7.1998), trang trại gia đình là loại phổ biến nhất hiện nay. Ở đây, trang trại độc lập sản xuất kinh doanh do chính người chủ hộ hoặc một thành viên trong gia đình đứng ra quản lý. Trang trại gia đình dựa vào lao động trong gia đình là chủ yếu, ngày mùa có thể thuê thêm nhân công ở ngoài vào lúc thời vụ căng thẳng.

Bên cạnh các trang trại gia đình lại có một loại hình trang trại quy mô lớn hơn, thuê mướn nhiều nhân công hơn; từ 2 đến 10 ha thuê từ 3 đến 5

nhân công thường xuyên, lúc thời vụ có thể thuê 15 - 20 nhân công thường xuyên. Tỉnh Yên Bái có 2 trang trại dưới hình thức tư bản tư nhân. Một của ông Đỗ Thập, doanh nghiệp này được giao và đang sử dụng 500 ha đất lâm nghiệp trong 40 năm, đã trồng 304 ha rừng, 20 vạn cây quế, sử dụng 104 lao động hợp đồng dài hạn 5 - 15 năm, thu nhập bình của công nhân 400.000 đ/tháng. Một doanh nghiệp nữa của người nước ngoài, đầu tư 100% vốn để sản xuất và chế biến chè công nghiệp cao. Chủ doanh nghiệp đã thuê 100 ha đất, 100 lao động để trồng các giống chè có năng suất và chất lượng cao (ô long, đại bạch trà), đã đầu tư xây dựng nhà máy chế công suất 10 tấn chè búp tươi/ngày, và sản phẩm xuất khẩu 100%.

Trong các loại hình trang trại trên, cần phát triển các trang trại gia đình một cách rộng rãi; bên cạnh đó có "một bộ phận trang trại ngoài lao động gia đình có thuê thêm lao động để sản xuất, kinh doanh, quy mô diện tích đất canh tác xoay quanh mức hạn điều ở từng vùng theo quy định của pháp luật". Đối với kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước "nhà nước khuyến khích tư nhân trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh trong nông nghiệp" nhất là đầu tư vào công nghiệp phục vụ nông nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng, nhưng cho đến nay hai lĩnh vực này còn ít đối tác đầu tư.

Một loại hình trang trại nữa là của cán bộ công nhân viên nhà nước. Ở Yên Bái, trong tổng số 113 trang trại có 50 chủ trang trại là cán bộ công nhân viên (14 đang làm việc, 36 đã nghỉ hưu). Bình quân 1 trang trại có 3,12 ha trong khi bình quân chung là 6,13 ha và 3,5 lao động. Bình quân mỗi trang trại đã đầu tư bằng 1,5 lần

mức bình quân chung và thu lợi nhuận cũng nhiều hơn so với mức bình quân chung.

Ở hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước, khảo sát 132 trang trại trên địa bàn 7 huyện, có 68% của nông dân, 28% của cán bộ công nhân viên (trong đó 11% đã nghỉ hưu), 3% là tiểu chủ. Nếu tính số dân tại chỗ, chỉ có 23%, số còn lại từ các địa phương khác đến.

Các trang trại của cán bộ công nhân viên có tác dụng huy động nhân tài vật lực của các thành phần phi nông nghiệp, đổi mới nông thôn, tạo việc làm, tăng của cải vật chất, phủ xanh đất trống đồi núi trọc và cải thiện môi trường sinh thái. Nước ta hiện nay còn 10 triệu ha đất trống đồi núi trọc, nếu không có sức mạnh của kinh tế trang trại, của các quốc doanh

nông lâm nghiệp, sự hỗ trợ của các thành phần kinh tế khác và sự chỉ đạo có hiệu lực của nhà nước thì phủ xanh đất trống đồi núi trọc khó trở thành hiện thực.

Một loại hình trang trại nữa khá phổ biến ở các vùng đô thị, ven đô và những nơi bình quân ruộng đất thấp ở đồng bằng. Đó là những trang trại *mini* không có đất hoặc ít đất, quy mô diện tích tuy *mini* nhưng quy mô sản xuất loại *maxi*, kinh doanh thường chuyên môn hóa như nuôi gà, thỏ, lợn, bò sữa, bò thịt. Quận 12 TP.HCM có trang trại Phạm Thành Châu nổi tiếng về nuôi 600 cặp bồ câu với 20 mét vuông đất để xây dựng chuồng trại trên đó xếp các lồng chim; phường Thạnh Lộc có gần 30% số hộ nuôi bồ câu hàng trăm cặp.

Các nông lâm trường quốc doanh có quan hệ mật thiết với các trang trại. Xí nghiệp nông công nghiệp Đồng Giao có 1.000 ha đất trồng mía với năng suất 60 tấn/ha, đầu ra là nhà máy đường Thanh Đài (tỉnh Thanh Hóa), ngoài ra còn 600 ha dứa, 150 ha cây ăn quả, nhưng công ty không trồng mà ký hợp đồng với các hợp tác xã ở Thanh Hóa, Ninh Bình, Hà Nam, ngoại thành Hà Nội theo phương thức công ty đầu tư giống, thuốc bảo vệ thực vật, bao tiêu sản phẩm theo giá thị trường.

Nông trường Sông Hậu trong năm 1997 sau khi được nhà nước giao cho quyền được trực tiếp xuất khẩu trên cơ sở sản xuất tại chỗ kết hợp với mở rộng mạng lưới thu mua gạo và chế biến nông sản đã tạo ra một cơ cấu hữu hiệu trong thu nhập (20% nông nghiệp, 80% công nghiệp và dịch vụ, xuất khẩu 32 triệu USD).

Xí nghiệp nông công nghiệp Đồng Giao và nông trường Sông Hậu đã thực hiện sự liên kết với các trang trại, các hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác, hình thành các hình thức hợp tác để mở rộng quy mô sản xuất.

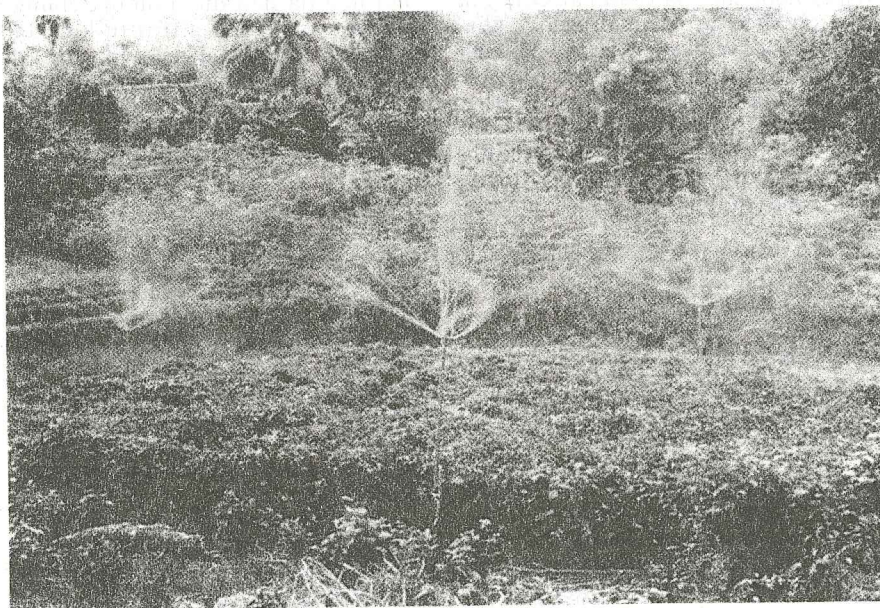
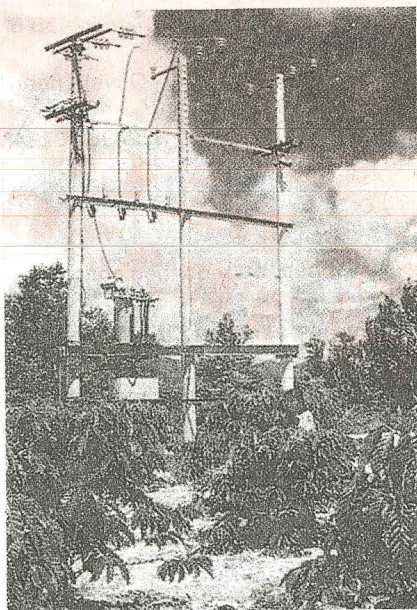
Các loại hình trang trại trước tiên là các trang trại gia đình đều có nhiều biến đổi dưới tác động của kinh tế thị trường. Chúng ta thử tìm hiểu những đặc điểm của trang trại gia đình cổ điển ở Mỹ cuối thế kỷ 19.

- Gia đình hoàn toàn làm chu sở hữu tất cả các tư liệu sản xuất chu yếu kể cả đất đai.

- Người chủ trang trại tự đưa ra các quyết định về kế hoạch sản xuất, mua sắm thiết bị vật tư và tự thực hiện các quyết định kinh tế.

- Gia đình tự làm tất cả các công việc đồng áng, chỉ thuê mướn người khác khi thời vụ căng thẳng.

- Các thành viên trong gia đình sống ngay ở tại trang trại. Ở thập kỷ cuối thế kỷ 20, những đặc điểm trên đã có sự chuyển biến lớn ở Mỹ và các



nước phương tây; ở Mỹ có không ít trang trại mà người chủ không sống ngay tại trang trại mà thuê người quản lý, nhiều trang trại thuê các tư liệu sản xuất chủ yếu, gia đình không làm hoặc chỉ làm một phần các công việc đồng áng còn phần lớn đều thuê nhân công, 47% trang trại hoạt động chủ yếu ngoài lĩnh vực nông nghiệp.

3. Những khó khăn lớn trang trại thường gặp phải

Đó là các vấn đề: quan hệ đất đai và vốn tín dụng trong quá trình hình thành và phát triển và việc tiêu thụ sản phẩm khi trang trại đã có sản phẩm

a. Quan hệ đất đai:

Trong nền kinh tế thị trường, đất đai tuy là hàng hóa nhưng là một loại hàng hóa đặc biệt, có thể mua bán, thuê mượn, đối chác...nơi này thì quyền sở hữu gắn với quyền sử dụng, nơi kia thì quyền sử dụng tách khỏi quyền sở hữu, do đó xử lý vấn đề đất đai không đơn giản về mặt kinh tế cũng như về mặt pháp lý. Nhưng điều quan trọng là: sở hữu tư liệu sản xuất trong đó có đất đai không phải là yếu tố chủ yếu quyết định sự hình thành của một trang trại. Không ít trang trại phải đi thuê tư liệu sản xuất nhưng vẫn thu lợi nhuận cao không kém những trang trại có sở hữu tư liệu sản xuất.

Ở nước ta, đất đai thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước quản lý, nhưng hộ gia đình cá nhân được nhà nước giao đất có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp. Nhờ 5 quyền năng đó nên từ khi Luật đất đai được ban hành (năm 1993) việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hình thành các trang trại được tiến hành thuận lợi.

Ở huyện Yên Bình phần lớn đất đai đều thuộc quyền sử dụng của các nông trường và lâm trường quốc doanh. Cuộc điều tra 113 trang trại cho thấy:

- Đất do nhà nước cấp, các nông lâm trường khoán cho công nhân và nông dân chiếm tỷ lệ 98% với 2 phương thức:

+ Huyện cấp trực tiếp cho hộ nông dân, chủ yếu là đất đai của các nông lâm trường, mỗi hộ được nhận từ 3 đến 10 ha

+ Các nông lâm trường giao khoán cho một số hộ nông dân trong lâm phần sau khi đã giao cho hộ công nhân. Ví dụ Lâm trường Thác Bà (Yên Bình) sau khi cắt giao cho huyện hơn 13.000 ha, còn lại 4.625 ha được giao khoán cho 960 hộ công nhân và 600 hộ nông dân.

- Thực hiện sang nhượng đất đai để làm kinh tế trang trại chỉ 1,28%

- Thuê: 0,08%

- Tự khai phá: 0,10%

Ở hai tỉnh Bình Dương, Bình Phước, nhiều trang trại mua bán, sang nhượng đất đai, phá rừng, lập vườn nhiều khi trái phép, đến nay các loại cây trồng đã 2 - 3 năm tuổi nhưng vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đến 52% diện tích đất canh tác. Ở tỉnh Yên Bái, tình hình trên cũng diễn ra nhưng ở mức độ ít hơn. Có thể rút ra kết luận: việc giao đất cần kèm theo việc kiểm tra, kiểm soát có đúng quy định của luật pháp hay không.

Đề tăng cường hiệu lực của Luật đất đai, cần có những thể chế bổ sung, chẳng hạn về mức hạn điền. Đối với diện tích vượt mức hạn điền thì áp dụng chế độ cho thuê phần đất đã vượt.

b. Vốn tín dụng

Vốn là một yêu cầu bức thiết của các trang trại. Theo ước tính, để thỏa mãn nhu cầu vay của các trang trại hiện có với mức cho vay tối thiểu 5 triệu đồng cho 1 ha đất cây công nghiệp ở Yên Bình, phải có vốn cho vay dài hạn 55 tỷ đồng, nhưng thực tế chỉ mới đáp ứng được 10% nhu cầu của năm 1997. Ở hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước, mức vốn được vay từ các ngân hàng thương mại mới đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu về vốn.

Để đổi mới lĩnh vực đầu tư, cần nắm được đặc trưng quan hệ tín dụng của các trang trại. Những năm qua, hệ thống ngân hàng thương mại và ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chưa có những thể thức tín dụng thích hợp với chu kỳ sinh trưởng của cây trồng và vật nuôi, vì vậy sắp tới cần đáp ứng yêu cầu của các trang trại là vay trung hạn và dài hạn, vay đầu tư theo dự án (trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn...). Đương nhiên, cần có quá trình chuẩn bị vì hiện nay, phần lớn các trang trại chưa đủ trình độ lập dự án, và bản thân công tác đầu tư theo dự án cũng đang gặp khó khăn.

Cần đa dạng hóa các hình thức huy động vốn cho nông nghiệp và nông thôn, không thể chỉ sử dụng phương thức vay thương mại mà cần có cả phương thức gọi vốn nước ngoài qua FDI, qua phát hành trái phiếu ở trong nước và ngoài nước cho chương trình dự án về nông nghiệp để giảm bớt lãi suất đầu vào và có điều kiện hạ thấp lãi suất đầu ra. Các kênh đầu tư vốn của nhà nước cho nông nghiệp và nông thôn nên theo hướng thương mại hóa các nguồn vốn.

c. Tiêu thụ sản phẩm

Nước ta đến nay mới có 12 vạn trang trại trong đó có một phần đã có sản phẩm hàng hóa. Những năm tới, số trang trại sẽ lên tới hàng triệu, tiêu thụ sản phẩm lúc bấy giờ sẽ trở thành một vấn đề lớn của trang trại. Nếu không giải quyết được thì xu

hướng trọng cung sẽ xuất hiện, ảnh hưởng không ít đến tương lai của các trang trại.

Cần mạnh dạn khuyến khích sự phát triển của các loại chợ ở nông thôn, chợ phiên, chợ sớm, chợ chiều, chợ khu vực, chợ miền núi, chợ đồng bằng chợ trên sông...Mỗi loại chợ không chỉ nhằm tiêu thụ sản phẩm mà còn để nắm bắt thông tin thị trường. Ở Nam bộ, thời còn Nam kỳ lục tỉnh, tỉnh An Giang chỉ có ít chợ: năm 1975 có 106 chợ, sau nhiều năm tổng số là 175. Có một loại chợ gọi là chợ chèo, tức là buôn bán trên xuồng đi động, dọc theo các vực sông lớn, luôn sâu các xẻo rạch, hàng ngày có cả ngàn thuyền đi lại, đồ bán từ ly cà phê nóng đến cây kim sợi chỉ, viên thuốc, chiếc máy hát, ti vi... Ở TP.HCM có cái chợ kỳ lạ là chợ của đồng đã có từ 30 - 40 năm về trước. Người nông dân ở các tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Đồng Tháp bắt cá trên ruộng và có xe chở về TP.HCM vào lúc ban đêm khi trời còn mất mịt, sản lượng của mỗi ngày có thể lên tới 4 - 5 tấn, khi ít cũng trên 2 tấn.

Để hỗ trợ cho việc tiêu thụ sản phẩm, người tiểu nông có một ít sản phẩm hàng hóa cũng như các trang trại cùng khu vực có thể thành lập tổ chức hợp tác tiêu thụ để đầu tư chống lại nạn ép giá, ép giá của tư thương. Hàng ngày trên báo chí, đài phát thanh truyền hình còn có thông tin giá cả, kèm theo đó có công tác marketing, các chính sách trợ giá, khuyến mãi, việc ký hợp đồng giữa các công ty với các hợp tác xã và các trang trại làm cho thông tin luôn luôn thông suốt giữa người bán và người mua thông qua các tổ chức môi giới...Làm như vậy, những khó khăn về tiêu thụ sản phẩm sẽ dần dần được khắc phục.

Kinh tế trang trại mở ra một trang mới trong lịch sử nông nghiệp VN. Nghị quyết 04 của Trung ương đã cấp giấy khai sinh cho các trang trại vùng đồi núi khi khẳng định "kinh tế trang trại với các hình thức sở hữu khác nhau (nhà nước, tập thể, tư nhân) được phát triển chủ yếu để trồng cây dài ngày, chăn nuôi đại gia súc ở những nơi có nhiều ruộng đất". Nghị quyết 06 (ngày 10.11.1998) của Bộ chính trị đã đề cập toàn diện vấn đề trang trại với sự hình thành nhiều loại hình trang trại, khuyến khích các trang trại gia đình và các thành phần kinh tế khác liên kết với nhau, khuyến khích tư nhân trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh trong nông nghiệp, tất cả nhằm mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh làm cho nông nghiệp, nông thôn trở nên phồn vinh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ■